

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP
**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI
KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 382/KTA-TCKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020

V/v Công bố Báo cáo soát xét giữa
niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/06/2020.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Tên đơn vị: CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (PVGas D)

Mã chứng khoán: PGD

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 7, Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ,
xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37840445

Fax: 028.37840446

Loại thông tin công bố: Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo soát xét giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2020;
- Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo soát xét giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2020 giảm trên 10% so với cùng kỳ năm 2019;

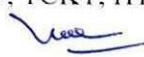
Thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của PVGas D vào ngày 10/08/2020 tại website www.pvgasd.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Người CBTT (để thực hiện);
- Lưu VT, TCKT, HT.03.



GIÁM ĐỐC

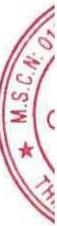


Trần Thanh Nam



**Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí
Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020



Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103006815	Ngày 23 tháng 5 năm 2007
Đăng ký Doanh nghiệp số	0304998686	Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0304998686 ngày 31 tháng 12 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Trung Chính	Chủ tịch
	Ông Trần Thanh Nam	Thành viên
	Ông Lê Bá Khánh Anh	Thành viên
	Bà Nguyễn Thục Quyên	Thành viên
	Ông Wataru Fujisaki	Thành viên
	Ông Hideaki Shibata	Thành viên

(từ ngày 28 tháng 4 năm 2020)
(đến ngày 28 tháng 4 năm 2020)

Ban Kiểm soát	Bà Phạm Thị Thu Hà	Trưởng ban
	Bà Đặng Thị Hồng Yến	Thành viên
	Ông Nguyễn Vũ Anh	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Trần Thanh Nam	Giám đốc
	Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Giám đốc
	Ông Đinh Ngọc Huy	Phó Giám đốc
	Ông Đỗ Phạm Hồng Minh	Phó Giám đốc
	Ông Lê Minh Hải	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký	Lầu 7, Tòa nhà PV Gas Tower Số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
-----------------------	--

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Thanh Nam
Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi Các Cổ đông
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2019 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 10 tháng 3 năm 2020 và báo cáo soát xét ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00292-20-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2017-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		2.324.947.248.675	2.345.668.640.287
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	1.486.750.283.373	1.445.988.903.939
Tiền	111		244.884.283.373	337.857.457.912
Các khoản tương đương tiền	112		1.241.866.000.000	1.108.131.446.027
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		700.732.011.177	772.010.287.050
Phải thu của khách hàng	131	7	701.470.808.750	777.188.656.483
Trả trước cho người bán	132		6.303.671.731	2.356.629.316
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	9.789.729.443	9.697.199.998
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(16.832.198.747)	(17.232.198.747)
Hàng tồn kho	140	10	62.860.178.118	64.391.889.477
Hàng tồn kho	141		62.860.178.118	64.391.889.477
Tài sản ngắn hạn khác	150		74.604.776.007	63.277.559.821
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	4.632.113.935	2.375.610.201
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		69.972.662.072	60.901.949.620
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		579.385.837.329	615.467.656.890
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.854.958.845	2.846.929.112
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	2.854.958.845	2.846.929.112
Tài sản cố định	220		466.332.546.368	502.508.295.397
Tài sản cố định hữu hình	221	11	418.907.691.919	453.968.025.702
Nguyên giá	222		1.211.679.724.060	1.206.998.395.913
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(792.772.032.141)	(753.030.370.211)
Tài sản cố định vô hình	227	12	47.424.854.449	48.540.269.695
Nguyên giá	228		55.548.287.004	55.548.287.004
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.123.432.555)	(7.008.017.309)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.237.340.843	985.774.334
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	4.237.340.843	985.774.334
Tài sản dài hạn khác	260		105.960.991.273	109.126.658.047
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	105.960.991.273	109.126.658.047
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.904.333.086.004	2.961.136.297.177

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

79868
 IG TY
 PHÂN
 KHÍ TH
 U KH
 T NA
 - TP. HC

=
 -
 Á
 Y
 A
 HC

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.500.624.402.209	1.596.339.479.988
Nợ ngắn hạn	310		1.500.538.462.209	1.595.891.539.988
Phải trả người bán	311	15	1.134.774.115.611	1.368.658.905.736
Người mua trả tiền trước	312	16	92.152.242.107	149.567.595.276
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	1.713.285.895	15.405.863.239
Phải trả người lao động	314		13.400.425.866	11.030.056.883
Chi phí phải trả	315	18	122.366.133.705	3.823.258.658
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	135.858.092.812	47.400.805.803
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	274.166.213	5.054.393
Nợ dài hạn	330		85.940.000	447.940.000
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	85.940.000	447.940.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.403.708.683.795	1.364.796.817.189
Vốn chủ sở hữu	410	21	1.403.708.683.795	1.364.796.817.189
Vốn cổ phần	411	22	899.990.250.000	899.990.250.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		153.050.000	153.050.000
Cổ phiếu quỹ	415		(9.550.000)	(9.550.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		178.262.403.866	178.262.403.866
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		12.450.000.000	12.450.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		312.862.529.929	273.950.663.323
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		270.849.537.184	51.967.944.476
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		42.012.992.745	221.982.718.847
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.904.333.086.004	2.961.136.297.177

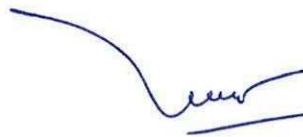
Ngày 7 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Hữu Tùng
Kế toán

Người duyệt:



Đặng Quốc Vương
Kế toán trưởng



Trần Thanh Nam
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

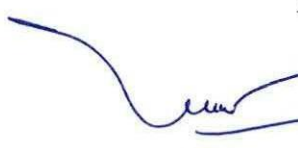
	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	3.533.055.777.536	3.823.720.630.386
Giá vốn hàng bán	11	26	3.262.384.289.995	3.467.821.987.019
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		270.671.487.541	355.898.643.367
Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.340.032.932	9.122.261.090
Chi phí bán hàng	25	27	185.031.162.231	177.220.817.545
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	31.512.138.159	40.603.972.605
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (25 + 26)}	30		59.468.220.083	147.196.114.307
Thu nhập khác	31		41.414.476	119.824.038
Chi phí khác	32		18.000.000	30.000.000
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		23.414.476	89.824.038
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		59.491.634.559	147.285.938.345
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	13.171.141.814	31.883.536.150
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		46.320.492.745	115.402.402.195
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	467	1.199

Ngày 7 tháng 8 năm 2020

Người lập:


 Nguyễn Hữu Tùng
 Kế toán

Người duyệt:


 Đặng Quốc Vương
 Kế toán trưởng


 Trần Thanh Nam
 Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		59.491.634.559	147.285.938.345
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		40.857.077.176	41.967.552.808
Các khoản dự phòng	03		(400.000.000)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.700.387.464)	(9.167.715.635)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		95.248.324.271	180.085.775.518
Biến động các khoản phải thu	09		64.608.594.641	(56.961.535.910)
Biến động hàng tồn kho	10		1.531.711.359	(4.514.008.236)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(86.061.553.827)	594.148.123.034
Biến động chi phí trả trước	12		3.288.036.901	4.227.309.425
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(26.066.719.512)	(53.328.541.477)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.518.388.180)	(11.315.863.185)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.030.005.653	652.341.259.169
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(7.888.326.516)	(16.796.405.044)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		5.619.700.297	9.116.165.855
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.268.626.219)	(7.680.239.189)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50		40.761.379.434	644.661.019.980
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		1.445.988.903.939	1.151.770.997.375
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	6	1.486.750.283.373	1.796.432.017.355

Ngày 7 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Nguyễn Hữu Tùng
Kế toán

Người duyệt:



Đặng Quốc Vương
Kế toán trưởng




Trần Thanh Nam
Giám đốc

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGD.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và vận chuyển khí thiên nhiên.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cấu trúc Công ty gồm có Văn phòng và 3 đơn vị hạch toán phụ thuộc, bao gồm:

- Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Vũng Tàu;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam – Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Nhơn Trạch; và
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam – Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Miền Bắc.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 266 nhân viên (1/1/2020: 269 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(c) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyên	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
▪ tài sản cố định hữu hình khác	3 – 5 năm

(e) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất với thời hạn sử dụng không xác định được ghi nhận theo giá gốc và không được khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 10 đến 39 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Chi phí cải tạo

Chi phí cải tạo được thể hiện theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí bảo hiểm và chi phí thuê bảng quảng cáo được thể hiện theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian trả trước.

(h) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối được thực hiện mỗi năm dựa trên tỷ lệ phần trăm do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty hoạt động như một bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh, là chuỗi giá trị khí tự nhiên và một bộ phận chia theo vùng địa lý, là Việt Nam.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ những khoản mục sau:

(a) Tiền thưởng cho nhân viên

Công ty đã ghi nhận các khoản tiền lương và thưởng cho nhân viên dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và sẽ được tính lại dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính vào cuối năm.

(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo các qui định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính và quyết toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp giữa niên độ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất có hiệu lực đối với lợi nhuận trước thuế giữa niên độ của Công ty.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán và cơ cấu Công ty và các khoản mục bất thường

(a) Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập các báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính thường niên, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này với các ước tính kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(b) Các thay đổi trong cơ cấu Công ty

Không có sự thay đổi nào khác trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

(c) Các khoản mục bất thường

Không có các khoản mục bất thường trọng yếu nào trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	494.331.713	122.776.163
Tiền gửi ngân hàng	244.389.951.660	337.734.681.749
Các khoản tương đương tiền	1.241.866.000.000	1.108.131.446.027
	1.486.750.283.373	1.445.988.903.939

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch, lãi suất dao động từ 0,2% đến 4,25%/năm.

7. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	259.735.539.220	197.404.828.927
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	119.958.266.283	197.571.547.654
Các khách hàng khác	321.777.003.247	382.212.279.902
	701.470.808.750	777.188.656.483

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	259.735.539.220	197.404.828.927
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	119.958.266.283	197.571.547.654
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	-	15.691.210.935

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và được thu hồi theo qui định của hợp đồng.

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Đặt cọc ngắn hạn	2.109.868.434	26.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	4.870.608.031	4.870.608.031
Phải thu Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần, công ty mẹ	-	2.229.351.901
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam, một bên liên quan	694.956.610	1.094.956.610
Phải thu Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, một bên liên quan	680.360.902	743.797.390
Phải thu lãi tiền gửi	241.971.014	521.638.379
Tạm ứng cho nhân viên	372.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	819.964.452	210.847.687
	9.789.729.443	9.697.199.998

Khoản phải thu phi thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và được thu hồi khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Đặt cọc dài hạn	2.854.958.845	2.846.929.112

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

Ngày 30 tháng 6 năm 2020

	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam, một bên liên quan	Trên 3 năm	694.956.610	694.956.610	-
Công ty TNHH Gốm sứ Mỹ Xuân	Trên 3 năm	11.296.297.196	11.296.297.196	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	Trên 3 năm	4.870.608.031	4.840.944.941	29.663.090
		16.861.861.837	16.832.198.747	29.663.090

Ngày 1 tháng 1 năm 2020

	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam, một bên liên quan	Trên 3 năm	1.094.956.610	1.094.956.610	-
Công ty TNHH Gốm sứ Mỹ Xuân	Trên 3 năm	11.296.297.196	11.296.297.196	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	Trên 3 năm	4.870.608.031	4.840.944.941	29.663.090
		17.261.861.837	17.232.198.747	29.663.090

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	18.377.327.283	-	19.759.553.931	-
Công cụ và dụng cụ	44.464.390.056	-	43.049.389.979	-
Hàng hóa	18.460.779	-	1.582.945.567	-
	<hr/>		<hr/>	
	62.860.178.118	-	64.391.889.477	-
	<hr/>		<hr/>	



Công ty Cổ phần Phân phối Khí Tháp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	116.243.876.389	1.055.499.693.059	15.297.400.460	19.084.892.711	872.533.294	1.206.998.395.913
Tăng trong kỳ	-	2.446.665.000	-	-	-	2.446.665.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.234.663.147	-	-	-	-	2.234.663.147
Số dư cuối kỳ	118.478.539.536	1.057.946.358.059	15.297.400.460	19.084.892.711	872.533.294	1.211.679.724.060
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	52.924.888.241	684.386.903.661	1.845.948.560	13.410.643.066	461.986.683	753.030.370.211
Khấu hao trong kỳ	5.988.834.391	30.499.201.736	1.409.656.368	1.764.408.205	79.561.230	39.741.661.930
Số dư cuối kỳ	58.913.722.632	714.886.105.397	3.255.604.928	15.175.051.271	541.547.913	792.772.032.141
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	63.318.988.148	371.112.789.398	13.451.451.900	5.674.249.645	410.546.611	453.968.025.702
Số dư cuối kỳ	59.564.816.904	343.060.252.662	12.041.795.532	3.909.841.440	330.985.381	418.907.691.919

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 445.635 triệu VND (1/1/2020: 442.292 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	45.545.065.586	10.003.221.418	55.548.287.004
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	7.008.017.309	7.008.017.309
Khấu hao trong kỳ	-	1.115.415.246	1.115.415.246
Số dư cuối kỳ	-	8.123.432.555	8.123.432.555
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	45.545.065.586	2.995.204.109	48.540.269.695
Số dư cuối kỳ	45.545.065.586	1.879.788.863	47.424.854.449

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 5.087 triệu VND (1/1/2020: 4.814 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	985.774.334	3.172.093.775
Tăng trong kỳ	6.125.875.124	10.446.148.711
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.234.663.147)	(879.220.000)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(2.940.000.000)
Xóa sổ	(639.645.468)	-
Số dư cuối kỳ	4.237.340.843	9.799.022.486

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tuyến ống cung cấp khí tự nhiên cho Công ty TNHH		
Trịnh Gia Thịnh tại Khu công nghiệp Phú Mỹ II	2.039.743.727	-
Phần mềm giám sát môi trường	900.909.091	-
Hệ thống tuyến ống cung cấp khí cho khách hàng khu		
vực Long Thành – Đồng Nai	-	325.225.556
Hệ thống phân phối khí thấp áp cho Công ty Cổ phần Sứ		
Hải Giang	-	314.419.912
Khác	1.296.688.025	346.128.866
	<hr/>	<hr/>
	4.237.340.843	985.774.334
	<hr/>	<hr/>

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phí bảo hiểm	4.406.197.259	2.000.402.699
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	225.916.676	375.207.502
	<hr/>	<hr/>
	4.632.113.935	2.375.610.201
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí cải tạo VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	62.114.906.876	2.376.066.391	16.285.707.636	28.349.977.144	109.126.658.047
Tăng trong kỳ	3.832.721.500	1.516.524.752	577.765.034	4.654.767.492	10.581.778.778
Khấu hao trong kỳ	(887.692.004)	(1.812.855.115)	(3.204.073.364)	(7.842.825.069)	(13.747.445.552)
Số dư cuối kỳ	65.059.936.372	2.079.736.028	13.659.399.306	25.161.919.567	105.960.991.273

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần, công ty mẹ	1.123.128.853.017	1.325.571.440.337
Nhà cung cấp khác	11.645.262.594	43.087.465.399
	1.134.774.115.611	1.368.658.905.736

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ không có đảm bảo, không tính lãi và phải trả theo qui định của hợp đồng.

16. Người mua trả tiền trước

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Thép Posco Yamato Vina	11.901.586.866	26.625.417.651
Công ty TNHH Posco Việt Nam	9.897.390.693	8.723.583.280
Công ty TNHH Hyosung Đồng Nai	9.224.933.859	12.321.089.625
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	9.220.872.560	26.485.863.128
Công ty TNHH Công nghiệp Kính NSG Việt Nam	-	19.514.995.388
Khác	51.907.458.129	55.896.646.204
	92.152.242.107	149.567.595.276

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	945.021.270	46.771.546.188	(46.960.017.691)	756.549.767
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.103.509.682	13.171.141.814	(26.066.719.512)	207.931.984
Thuế thu nhập cá nhân	1.357.332.287	5.049.789.697	(5.658.317.840)	748.804.144
Thuế khác	-	271.800.312	(271.800.312)	-
	15.405.863.239	65.264.278.011	(78.956.855.355)	1.713.285.895

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Thuê đất	1.455.586.215	1.455.586.215
Phí bản quyền từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Cơ quan Tập đoàn, công ty mẹ cấp cao nhất	1.477.595.072	-
Phải trả cho việc mua khí từ công ty mẹ	116.833.446.324	-
Các khoản khác	2.599.506.094	2.367.672.443
	<hr/>	
	122.366.133.705	3.823.258.658
	<hr/>	

19. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Nhận đặt cọc ngắn hạn	45.716.161.280	44.869.229.972
Chi trả cổ tức	726.374.500	726.374.500
Chi trả cho Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, một bên liên quan, do điều chỉnh giá bán	49.885.734.030	-
Chi trả cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam, một bên liên quan, do điều chỉnh giá bán	36.590.739.167	-
Phải trả ngắn hạn khác	2.939.083.835	1.805.201.331
	<hr/>	
	135.858.092.812	47.400.805.803
	<hr/>	

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Nhận đặt cọc dài hạn	85.940.000	447.940.000
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.054.393	6.096.975
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 21) (*)	4.307.500.000	7.500.000.000
Tăng trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	5.480.000.000	3.970.000.000
Sử dụng trong kỳ	(9.518.388.180)	(10.888.663.185)
Số dư cuối kỳ	274.166.213	587.433.790

(*) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được ước tính dựa trên số tiền ngân sách thông qua bởi các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	899.990.250.000	153.050.000	(9.550.000)	178.262.403.866	12.450.000.000	273.950.663.323	1.364.796.817.189
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	46.320.492.745	46.320.492.745
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.307.500.000)	(4.307.500.000)
Tăng trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.480.000.000)	(5.480.000.000)
Khác	-	-	-	-	-	2.378.873.861	2.378.873.861
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	899.990.250.000	153.050.000	(9.550.000)	178.262.403.866	12.450.000.000	312.862.529.929	1.403.708.683.795
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	899.990.250.000	153.050.000	(9.550.000)	178.262.403.866	12.450.000.000	281.433.119.476	1.372.279.273.342
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	115.402.402.195	115.402.402.195
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Tăng trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.970.000.000)	(3.970.000.000)
Tăng trích lập vào quỹ khen thưởng của Ban điều hành	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	899.990.250.000	153.050.000	(9.550.000)	178.262.403.866	12.450.000.000	384.865.521.671	1.475.711.675.537

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt				
Cổ phiếu phổ thông	89.999.025	899.990.250.000	89.999.025	899.990.250.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(955)	(9.550.000)	(955)	(9.550.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	89.998.070	899.980.700.000	89.998.070	899.980.700.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Các cổ đông của Công ty như sau:

	30/6/2020		1/1/2020	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam				
– Công ty Cổ phần	454.500.000.000	50,50%	454.500.000.000	50,50%
Tokyo Gas Asia Pte. Ltd	224.097.570.000	24,90%	224.097.570.000	24,90%
Saibu Gas Co. Ltd	188.997.960.000	21,00%	-	-
Các cổ đông khác	32.394.720.000	3,60%	221.392.680.000	24,60%
	899.990.250.000	100,00%	899.990.250.000	100,00%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần, được thành lập tại Việt Nam.

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 28 tháng 4 năm 2020 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền là 225.000 triệu VND. Cổ tức phải trả sẽ được trích theo sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị và khi danh sách các cổ đông có quyền được xác định.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.143.672.000	4.143.672.000
Từ hai đến năm năm	1.726.530.000	3.798.366.000
	<hr/>	<hr/>
	5.870.202.000	7.942.038.000

(b) Các cam kết thuê khác

(i) Thuê hệ thống khí thấp áp với công ty mẹ

Ngày 18 tháng 8 năm 2019, Công ty đã ký hợp đồng số 120/2009/PV GAS-TC-PV GAS D/D4 với Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần, công ty mẹ để thuê hệ thống khí thấp áp – Giai đoạn 2. Số tiền thuê hàng tháng là 5.001 triệu VND kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2008.

(ii) Thuê hệ thống tiếp nhận và cung cấp khí với Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Nhật Minh Thành

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng số 07/2015/HDDVTTTS/XNMB-NHATMINHTHANH với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Nhật Minh Thành để thuê hệ thống tiếp nhận và cung cấp khí kết nối vào hệ thống phân phối khí thấp áp tại Khu công nghiệp Tiên Hải - Tỉnh Thái Bình trong 5 năm cho các khách hàng: Công ty TNHH Pha Lê Việt Tiệp Thái Bình, Công ty TNHH Sứ Đông Lâm, Chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thiên Hoàng - Nhà máy Gạch men Mikado, Công ty Cổ phần Gạch men Sứ Long Hào. Giá thuê hàng tháng cho hệ thống được tính theo khối lượng khí vận chuyển từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 nhưng không vượt quá 540 triệu VND.

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	74.564.495.265	15.267.273.029

25. Doanh thu từ bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán khí thấp áp	3.346.288.202.908	3.739.144.356.148
▪ Bán khí CNG	186.038.915.352	84.227.121.924
▪ Khác	728.659.276	349.152.314
	3.533.055.777.536	3.823.720.630.386

26. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Tổng giá vốn		
▪ Bán khí thấp áp	3.103.780.521.933	3.395.615.049.912
▪ Bán khí CNG	158.591.113.514	72.187.069.396
▪ Khác	12.654.548	19.867.711
	3.262.384.289.995	3.467.821.987.019

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên	49.795.936.779	44.722.717.909
Chi phí khấu hao và phân bổ	38.636.864.739	38.888.938.515
Chi phí thuê	31.454.499.495	33.231.517.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.571.121.361	32.710.753.491
Công cụ và dụng cụ	5.779.056.818	6.563.064.605
Chi phí khác	25.793.683.039	21.103.825.301
	185.031.162.231	177.220.817.545

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên	6.404.928.216	5.849.206.655
Chi phí bảo hiểm	3.023.500.000	3.309.880.968
Chi phí thuê	3.021.427.500	3.141.206.250
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.220.212.437	3.078.614.293
Hoàn nhập dự phòng nợ khó đòi	(400.000.000)	-
Dịch vụ mua ngoài	1.389.454.375	2.567.088.670
Công cụ và dụng cụ	582.049.946	881.543.378
Chi phí khác	15.270.565.685	21.776.432.391
	31.512.138.159	40.603.972.605

04998
 ÔNG
 Ô PH.
 HỒI KHÍ
 ẬU K
 ỆT N.
 - TP. H

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí mua khí	3.262.371.635.447	3.467.802.119.308
Chi phí nhân viên	56.200.864.995	50.571.924.564
Khấu hao và phân bổ	40.857.077.176	41.967.552.808
Chi phí thuê	34.475.926.995	36.372.723.974
Dịch vụ mua ngoài	37.984.075.736	38.587.723.129
Công cụ và dụng cụ	6.361.106.764	7.444.607.983
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(400.000.000)	-
Chi phí khác	41.064.248.724	42.880.257.692

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	12.786.733.466	29.619.464.804
Dự phòng thiếu trong những năm trước	384.408.348	2.264.071.346
Chi phí thuế thu nhập	13.171.141.814	31.883.536.150

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	59.491.634.559	147.285.938.345
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.442.032.772	811.385.675
Thu nhập chịu thuế	63.933.667.331	148.097.324.020
Chi phí thuế hiện hành kỳ này	12.786.733.466	29.619.464.804
Dự phòng thiếu trong những năm trước	384.408.348	2.264.071.346
Chi phí thuế thu nhập	13.171.141.814	31.883.536.150

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	46.320.492.745	115.402.402.195
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.307.500.000)	(7.500.000.000)
	42.012.992.745	107.902.402.195

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2020	30/6/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	89.998.070	89.998.070

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	467	1,199

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần		
Mua khí	2.767.273.673.073	3.104.857.085.724
Mua khí – giá mua điều chỉnh	116.833.446.324	-
Phí thuê	30.005.425.002	30.005.425.002
Thuê văn phòng	3.021.427.500	3.141.206.250
Chi phí tiện ích	214.736.104	211.238.053
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Cơ quan Tập đoàn		
Phí bản quyền	1.477.595.072	1.533.454.336
Các bên liên quan khác		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần – Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ		
Mua khí	-	363.595.696.411

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần – Chi nhánh Hải Phòng		
Mua khí	360.167.356.860	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh		
Bán dịch vụ	6.441.209.387	5.814.234.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam		
Mua khí	902.943.684	1.047.592.470
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam		
Bán khí	681.569.345.419	583.469.168.240
Chi hộ	1.239.044.457	1.530.016.449
Bán khác	271.495.636	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam		
Bán khí	390.653.658.495	510.060.185.857
Mua khí	16.532.674.402	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam		
Bán khí	-	21.042.736.296
Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần		
Mua dịch vụ	321.818.181	-
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	4.532.255.127	3.507.998.000

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	3.092.429.151	160.000.000

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và số liệu so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

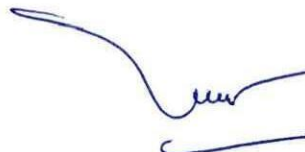
Ngày 7 tháng 8 năm 2020

Người lập:


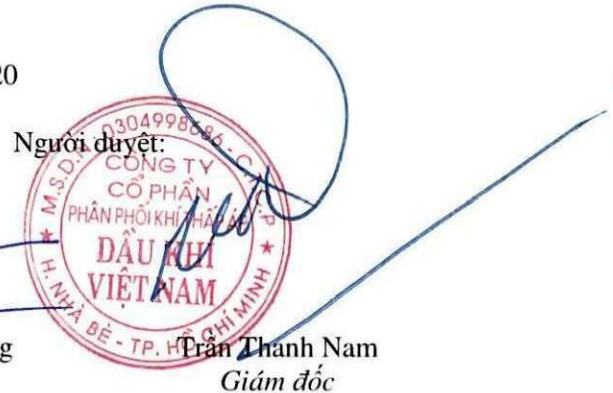


Nguyễn Hữu Tùng
Kế toán

Người duyệt:



Đặng Quốc Vương
Kế toán trưởng



Trần Thanh Nam
Giám đốc

